

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **543/QĐ-UBND**

Trà Vinh, ngày **16** tháng **3** năm **2022**

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện
Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ
về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội
về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về
chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã
hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương
trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15
của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Trà Vinh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình.

Điều 2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phổ biến, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch và đề xuất xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; định kỳ tháng 8 năm 2022, tháng 8 năm 2023 và tháng 4 năm 2024 tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Chính phủ.

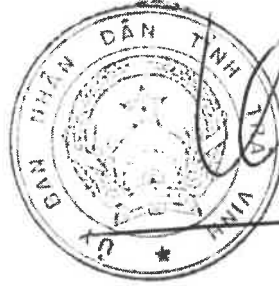
Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP.UBND tỉnh;
- * - Lưu: VT, THNV. *02bax*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *201*



Lê Văn Hảo



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình

(Kèm theo Quyết định số: 543 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Hai năm qua, đặc biệt là năm 2021, tình hình dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân và các hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế. Đối với tỉnh Trà Vinh, mặc dù năm 2020 chưa xuất hiện dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh nhưng trước tác động chung của tình hình dịch bệnh, kinh tế của tỉnh gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 2,87%. Sang năm 2021, năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 – 2025 bên cạnh những thuận lợi cơ bản, tình gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là dịch Covid-19 đã lây lan vào địa bàn tỉnh trong đợt dịch thứ tư với nhiều ca nhiễm và kéo dài, phức tạp, tác động sâu, rộng đến tất cả các lĩnh vực, nhất là ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, đời sống nhân dân; sản xuất, kinh doanh bị đình trệ; mặt khác, dịch bệnh trên một số cây trồng, vật nuôi trực tiếp tác động đến lĩnh vực nông nghiệp; thiên tai diễn biến khó lường... dẫn đến tăng trưởng kinh tế năm 2021 âm 3,92% - đây là mức tăng trưởng thấp nhất từ khi tái lập tỉnh đến nay - ảnh hưởng đến tiến độ, khả năng hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 05 năm mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã đề ra.

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình (viết tắt là Nghị quyết số 11/NQ-CP); với quyết tâm khôi phục lại nền kinh tế, tạo động lực, đột phá phát triển nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 05 năm tới, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN HỖ TRỢ

1. Quan điểm

a) Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và Kế hoạch thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh, tính tự chủ, gắn kết chặt chẽ với Kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

b) Vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, phát huy các lợi thế, tiềm năng của tỉnh, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 khôi phục, phát triển nhanh kinh tế - xã hội, sớm khắc phục, bù đắp các tổn thất do dịch Covid-19 và bắt kịp tiến độ thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết giai đoạn 2021-2025.

c) Triển khai hiệu quả, kịp thời, đầy đủ các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 11/NQ-CP theo hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương, đảm bảo đúng đối tượng, đủ số lượng, tiết kiệm, giải quyết những vấn đề cấp bách, có trọng tâm, tránh dàn trải, lãng phí nguồn lực gắn với trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan, nhất là người đứng đầu.

d) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá; bảo đảm hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch, không để xảy ra sai sót trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

2. Mục tiêu

a) Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế sớm vượt qua khó khăn, phục hồi, phát triển nhanh hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, ưu tiên một số ngành, lĩnh vực quan trọng, phấn đấu đạt mục tiêu của giai đoạn 2021 - 2025: tăng trưởng GDP bình quân 10-11%/năm, thu ngân sách (thu nội địa) tăng bình quân 12%/năm, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 2%, nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế, quy mô nền kinh tế.

b) Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19 hiệu quả; bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân, nhất là người lao động, người nghèo, người yếu thế, đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Đối tượng, thời gian hỗ trợ

a) *Đối tượng hỗ trợ bao gồm:*

- Người dân, người lao động bị ảnh hưởng do dịch bệnh;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;
- Các ngành, lĩnh vực tạo động lực phục hồi và phát triển nhanh cho nền kinh tế.

b) *Thời gian hỗ trợ:* chủ yếu thực hiện trong 2 năm 2022-2023; một số chính sách có thể kéo dài, bổ sung nguồn lực thực hiện tùy theo diễn biến dịch bệnh và chính sách của Trung ương.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Khẩn trương xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này; tích cực phối hợp và triển khai nhanh các chính sách, hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP.

- Làm tốt công tác hướng dẫn, tuyên truyền, vận động cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về các cơ chế, chính sách, giải pháp tại Nghị quyết số 11/NQ-CP; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng “xin-cho”, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực đối với người dân, doanh nghiệp; chủ động phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xử lý những vướng mắc phát sinh. Thường xuyên giám sát, kiểm tra, đôn đốc, có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với tập thể, cá nhân gây khó khăn, những nhiều người dân và doanh nghiệp, trì trệ, thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ.

- Triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả, kịp thời các chương trình, kế hoạch đã được UBND tỉnh ban hành gồm: Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh khởi nghiệp sáng tạo phát triển lên doanh nghiệp và Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025 (Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 29/11/2021); Kế hoạch “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 26/11/2021); Kế hoạch 104/KH-UBND ngày 29/12/2021 *triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 06/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác phòng, chống dịch COVID-19 trong điều kiện bình thường mới*; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 05/01/2022 *triển khai các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa giai đoạn sau dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*; Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 09/02/2022 *triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2022*; Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

- Triển khai các chính sách hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã gặp khó khăn do dịch Covid-19 như chính sách cho vay, hỗ trợ lãi suất để thuê, mua nhà ở xã hội, tạo việc làm mới, đào tạo nghề, mua máy tính bảng cho học sinh, sinh viên, hộ nghèo, hỗ trợ đồng bào dân tộc, cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, vay trả lương cho người lao động,...

- Đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, dịch vụ và sản xuất an toàn theo hướng dẫn, quy định của Trung ương, duy trì hoạt động liên tục, ổn định với công suất và chi phí phù hợp; tạo điều kiện cho người lao động di chuyển thuận lợi, phục vụ sản xuất kinh doanh; phát huy hiệu quả cơ sở dữ liệu dân cư trong kiểm soát dịch bệnh và thực hiện chính sách.

- Tập trung nâng cao năng lực quản lý nhà nước, trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành, các địa phương. Tăng cường xử lý thủ tục hành chính trên nền tảng trực tuyến; tiếp tục nghiên cứu, triển khai các giải pháp đột phá, khuyến

khích đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển bền vững; khẩn trương nghiên cứu, tháo gỡ hoặc đề xuất cấp thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, pháp luật, quy hoạch và quỹ đất liên quan đến đầu tư, nhà ở xã hội....

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở khám chữa bệnh ở những nơi cần thiết, tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ của hệ thống y tế cơ sở; tăng cường năng lực y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật; nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh từ tuyến cơ sở, gắn với đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực y tế; thực hiện tiêm vắc-xin phòng Covid-19 cho người dân đảm bảo tiến độ và quy trình theo hướng dẫn của Bộ Y tế; chủ động xây dựng lộ trình, kế hoạch tiêm vắc-xin phòng Covid-19 cho trẻ từ 5 – 11 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế, đảm bảo an toàn và tiến độ. Tập trung nguồn lực cho các công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn hồ chứa nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì đánh giá, rà soát tiến độ, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động này để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chính phủ định kỳ vào tháng 8 năm 2022, năm 2023 và tháng 4 năm 2024.

- Đẩy nhanh hoàn thành xây dựng Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo tiến độ đã được duyệt (tháng 6/2022); đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh; tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, các ngành, lĩnh vực, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thực hiện hiệu quả, kịp thời Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh khởi nghiệp sáng tạo phát triển lên doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025 (được ban hành tại Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh); Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hỗ trợ và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền ưu tiên nguồn vốn bố trí cho các dự án quan trọng, cấp thiết, có tác động lan tỏa lớn, có khả năng giải ngân nhanh và hấp thụ ngay vào nền kinh tế, phù hợp với quy hoạch, sử dụng nguồn vốn hiệu quả, bảo đảm khả năng cân đối vốn để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2022 – 2025 góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao vốn của Chương trình, chi tiết danh mục và mức vốn dự kiến cho từng nhiệm vụ, dự án của tỉnh; giao bổ sung dự toán và mức vốn đầu tư công năm 2022 cho từng nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khả năng và tình hình triển khai thực tế của các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình, chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh linh hoạt nguồn vốn đầu tư công hằng năm thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và nguồn vốn đầu tư công của Chương trình trong năm 2022 – 2023 kịp thời để giải ngân hết kế vốn được giao nhằm phát huy được hiệu quả trong đầu tư.

- Lựa chọn danh mục dự án và phân bổ vốn cho các dự án trong danh mục dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thuộc Kế hoạch này, bảo đảm giải ngân hết vốn trong 02 năm 2022, 2023 và phù hợp theo các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại tiết đ, mục 1.2 khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội.

- Tiếp tục rà soát, tham mưu đề xuất kiến nghị UBND tỉnh tháo gỡ các chính sách đã ban hành không còn phù hợp để điều chỉnh, bổ sung nhằm thúc đẩy, hỗ trợ tốt cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; thực hiện tốt thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

3. Sở Tài chính

- Tích cực, khẩn trương phân bổ ngân sách thực hiện Chương trình cho các Sở, Ban ngành và địa phương ngay khi được Trung ương thông báo vốn để kịp thời thực hiện các chính sách, phát huy hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình đã đủ thủ tục đầu tư, điều kiện giao kế hoạch vốn, xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ chi thuộc Chương trình.

- Cân đối nguồn kinh phí ngân sách địa phương để ủy thác cho Ngân sách chính sách xã hội tỉnh thực hiện các chính sách mới được cấp có thẩm quyền ban hành trong năm 2022 và 2023 hoặc thực hiện nhiệm vụ chi theo chủ trương của cấp có thẩm quyền.

- Phối hợp với Cục Trưởng Cục Thuế quản lý chặt chẽ các nguồn thu, phấn đấu tăng thu, giảm bội chi, triệt để tiết kiệm chi ngân sách nhà nước, nhất là chi sự nghiệp có tính chất đầu tư; chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế.

4. Cục Thuế tỉnh

Căn cứ hướng dẫn của các cơ quan Bộ ngành Trung ương:

- Chủ trì triển khai thực hiện việc giảm thuế suất giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 và hướng dẫn doanh nghiệp xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh cho kỳ tính thuế năm 2022.

- Triển khai, hướng dẫn việc giảm 50% lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước theo Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021.

- Tổ chức thực hiện việc gia hạn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và tiền thuê đất trong năm 2022.

- Triển khai thực hiện giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức thuê đất trả tiền hàng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất Trung ương giảm các loại phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng hàng nông sản và hiệu quả sản xuất, kinh doanh, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới, theo 3 cấp sản phẩm chủ lực⁽¹⁾; bảo đảm tính đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực, liên kết sản xuất gắn với hình thành và phát triển bền vững các chuỗi hàng hóa tiêu thụ nông sản chủ lực. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ nông dân sản xuất hiệu quả từng bước tiếp cận thị trường, nguồn vốn, mua sắm máy móc, tích tụ đất đai, áp dụng công nghệ để phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng quy mô sản xuất và tham gia hợp tác xã, liên kết với doanh nghiệp trong các chuỗi giá trị. Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển Hợp tác xã nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030; xây dựng dự án triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp năm 2022-2023.

- Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai bằng áp dụng công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo và phòng chống thiên tai; đẩy mạnh các biện pháp công trình kết hợp phi công trình và nâng cao năng lực truyền thông, quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.

6. Sở Công Thương

- Chủ động nắm bắt thông tin và giải quyết khó khăn của doanh nghiệp trong sản xuất, lưu thông và xuất khẩu. Duy trì tốt việc hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các chính sách ưu đãi của tỉnh, của Trung ương để đầu tư mở rộng, duy trì phát triển sản xuất kinh doanh. Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch hoạt động khuyến công và xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 – 2025; các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên. Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi về tiếp cận thị trường và cắt giảm thuế quan của các đối tác để đẩy mạnh xuất khẩu và nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường đã ký FTA.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, thông qua các cuộc kết nối cung cầu, hội chợ triển lãm và giới thiệu từ Sở Công Thương các tỉnh, thành trong cả nước. Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp trong thực hiện các thủ tục đầu tư, để sớm hoàn thành dự án đi vào hoạt động, tạo

¹ Sản phẩm chủ lực quốc gia, sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, sản phẩm đặc sản địa phương (OCOP)

điều kiện thu hút doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh (CCN Sa Bình, CCN Phú Cần, CCN Hiệp Mỹ Tây, CCN Tân Ngại). Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư điện tái tạo khi được Chính phủ phê duyệt bổ sung vào Quy hoạch điện VIII.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc cập nhật trạng thái doanh nghiệp/cơ sở sản xuất công nghiệp, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích, chợ lên Bản đồ chung sống an toàn với Covid-19; đồng thời, đôn đốc triển khai thực hiện việc hướng dẫn, phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch Covid-19 của trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích, chợ và phối hợp kiểm tra việc thực hiện theo quy định.

- Hỗ trợ doanh nghiệp thiết lập, xây dựng các website thương mại điện tử tham gia sàn Thương mại điện tử, xây dựng "Gian hàng Việt trực tuyến"; tìm kiếm thị trường trong nước và ngoài nước, kết nối tiêu thụ sản phẩm; thông tin thị trường nông sản.

7. Sở Y tế

- Chủ trì thực hiện hiệu quả Kế hoạch "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Tiếp tục rà soát, hướng dẫn và triển khai thực hiện các biện pháp y tế, an toàn, phù hợp với tình hình, lộ trình mở cửa lại du lịch, các ngành dịch vụ giải trí, văn hóa, nghệ thuật gắn với bảo đảm an toàn dịch bệnh theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế. Triển khai hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện, bảo đảm thực hiện thống nhất các quy định về đi lại, di chuyển của người lao động, lưu thông hàng hóa, dịch vụ và sản xuất theo chỉ đạo của Bộ Y tế, bảo đảm an toàn, duy trì hoạt động liên tục, ổn định với công suất và chi phí phù hợp.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành tỉnh, địa phương và các cơ quan Trung ương xây dựng phương án và lộ trình tiêm vắc-xin phòng chống dịch Covid-19 kịp thời, hiệu quả, an toàn.

8. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Tổng kết, đánh giá các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19; đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ kịp thời cho người dân, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.

- Chủ trì, phối hợp với Trường ban Ban Quản lý Khu kinh tế, các Sở ngành tỉnh liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và triển khai Kế hoạch hỗ trợ người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp, khu kinh tế theo chính sách được ban hành tại Nghị quyết số 11/NQ-CP và các hướng dẫn của Bộ ngành Trung ương.

- Làm đầu mối phối hợp với Trung ương để kết nối cung - cầu lao động toàn quốc trên nền tảng trực tuyến phục vụ công tác tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động; xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm, nhất là Trường Cao đẳng nghề chất lượng cao, trọng

điểm và thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; nâng cao năng lực cơ sở tuyến đầu của hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội, chăm lo cho các đối tượng bị sang chấn tâm lý, cơ nhỡ và các đối tượng yếu thế bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và hoàn thành cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; phối hợp với UBND cấp huyện triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý chất thải rắn (theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh) đặc biệt các dự án trong giai đoạn 2022-2023 theo đề án đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá ô nhiễm đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 26/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; các chương trình, kế hoạch đã được ban hành trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số².

- Tham mưu chỉ đạo, định hướng công tác thông tin, tuyên truyền trên báo chí và trên hệ thống thông tin cơ sở những kết quả đã đạt được trên tất cả các lĩnh vực như kinh tế - xã hội, về phòng, chống dịch, hỗ trợ y tế, chính sách an sinh xã hội, chính sách của Đảng, Nhà nước hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho người dân, doanh nghiệp; phổ biến, giáo dục ý thức, kiến thức và kỹ năng phòng vệ của người dân trước thiên tai, dịch bệnh; thực hiện cung cấp thông tin, kỹ năng, dịch vụ khám, chữa bệnh và y tế dự phòng, trong đó có dịch bệnh Covid-19 cho người dân, địa phương. Phổ biến các mô hình tốt, cách làm hay của quốc tế; kêu gọi tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau; biểu dương, khích lệ kịp thời các tấm gương tốt, điển hình, cách làm hay, tạo sự đồng thuận trong xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai hỗ trợ máy tính bảng và điện thoại thông minh cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác từ nguồn Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thông tin toàn diện về tình hình phòng, chống dịch, kinh tế - xã hội trên các kênh thông tin đối nội và đối ngoại thuộc nhiệm vụ quản lý; kịp thời ngăn chặn, phản bác, xử lý nghiêm các thông tin xấu độc, sai sự

² Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 10/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 31/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình số 15-CTr/TU ngày 31/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch 33/KH-UBND ngày 29/04/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh năm 2022

thật, kích động, gây tác động tiêu cực, cản trở công tác phòng, chống dịch, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Đảm bảo giải pháp hợp trực tuyến đến cấp xã phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các địa phương triển khai thực hiện các giải pháp đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình mở cửa trường học an toàn, khoa học, phù hợp, hiệu quả. Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh thực hiện cho vay đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập phải ngừng hoạt động ít nhất 01 tháng theo yêu cầu phòng chống dịch; Cho vay đối với học sinh, sinh viên để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và trang trải chi phí học tập. Tiếp tục vận động thực hiện Chương trình “Sóng và máy tính cho em” để hỗ trợ thiết bị học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Thực hiện song song hình thức dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến (gồm hình thức học qua sóng truyền hình).

12. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính: Rà soát, đề xuất Trung ương sửa đổi quy định tháo gỡ vướng mắc trong quy định về nội dung chi và quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; giải mã công nghệ; mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch của UBND tỉnh đã ban hành³; Đẩy mạnh hoạt động truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 19/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Giai đoạn 2022-2023 xây dựng, vận hành Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa của tỉnh; hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch; ghi nhãn hàng hóa và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

13. Ban Dân tộc

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai theo Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh *ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng*

³ Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 07/6/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình số 14-CTr/TU ngày 26/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2020 – 2025; Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 19/02/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 16/02/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư “về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư khóa IX về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh Thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

14. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Trà Vinh

Chủ trì thực hiện theo chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Chỉ đạo các ngân hàng thương mại triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022 - 2023 đối với các khoản vay thương mại cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi trong các ngành, lĩnh vực: vận tải, kho bãi; du lịch, dịch vụ lưu trú, ăn uống, giáo dục và đào tạo; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo (đã bao gồm máy móc, trang thiết bị, thuốc, hoá dược, dược liệu); xuất bản phần mềm; lập trình máy vi tính và hoạt động liên quan; hoạt động dịch vụ thông tin; xây dựng nhà ở xã hội, nhà cho công nhân mua, thuê và thuê mua.

- Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay và giữ nguyên nhóm nợ đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, theo dõi sát diễn biến kinh tế, thị trường tiền tệ để có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phù hợp, đồng thời bảo đảm an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng.

15. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội:

- Tiếp tục thực hiện cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015, Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 và các văn bản có liên quan. Vốn dự kiến cho vay đề xuất 300 tỷ đồng.

- Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 và các văn bản có liên quan. Vốn dự kiến cho vay đề xuất 250 tỷ đồng.

- Cho vay đối với học sinh, sinh viên để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và trang trải chi phí học tập. Việc cho vay để trang trải chi phí học tập thực hiện theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 và các văn bản liên quan. Vốn dự kiến cho vay đề xuất 70 tỷ đồng.

- Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội. Vốn dự kiến cho vay đề xuất 271 tỷ đồng (theo Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh).

- Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập phải ngừng hoạt động ít nhất 01 tháng theo yêu cầu phòng, chống dịch. Vốn dự kiến cho vay đề xuất 5 tỷ đồng.

- Cấp bù lãi suất và chi phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai cho vay ưu đãi thuộc Chương trình theo cơ chế cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý quy định tại quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Vốn dự kiến cấp bù đề xuất 20 tỷ đồng.

- Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022-2023 đối với các khoản vay có lãi suất cho vay trên 6%/năm và được chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh giải ngân trong giai đoạn 2022-2023. Vốn dự kiến hỗ trợ lãi suất 45 tỷ đồng.

- Cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động, bảo đảm tính khả thi và tổ chức triển khai nhanh trong thực tế. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh rà soát, tổng hợp nhu cầu vay vốn của người sử dụng lao động có nhu cầu vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo nhu cầu thực tế phát sinh, báo cáo nhu cầu nguồn vốn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam để chuyển vốn giải ngân kịp thời theo quy định.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Nhu cầu vốn thực hiện

Tổng nhu cầu vốn thực hiện các Chương trình, dự án trong 02 năm 2022 và 2023 là 7.502,796 tỷ đồng (*Bảy nghìn năm trăm lẻ hai tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu đồng*); trong đó:

- Nguồn vốn sự nghiệp là 1.512,994 tỷ đồng bao gồm 12 dự án (Phụ lục 2).
- Nguồn vốn đầu tư phát triển là 5.989,802 tỷ đồng bao gồm 14 dự án (Phụ lục 3).

2. Nguồn vốn thực hiện

Sử dụng tối đa, hiệu quả các nguồn lực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025; tranh thủ nguồn vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho Chương trình theo Nghị quyết số 11/NQ-CP và Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác của ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và nguồn vốn đối ứng từ doanh nghiệp.

(Đính kèm:

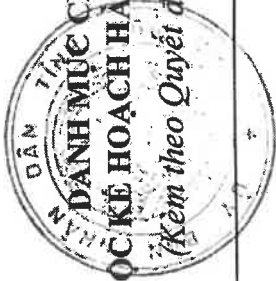
- Phụ lục 1 - Danh mục Chương trình, Đề án, Dự án sử dụng kinh phí thường xuyên;

- Phụ lục 2 - Danh mục Chương trình, Đề án, Dự án thực hiện các chính sách;

- Phụ lục 3 – Danh mục Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng).

Trên đây là Kế hoạch hành động của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP, đề nghị Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ

được giao khẩn trương triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư), xem xét, quyết định./.



Phụ lục 1

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN SỬ DỤNG KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN CỦA TỈNH
THUỐC KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG NĂM 2022 VÀ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 543/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Tên Chương trình, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp quyết định	Hình thức văn bản	Thời gian trình	Thời hạn hoàn thành Chương trình, dự án
I	2	3	4	5	6	7	8
I	Sở Kế hoạch và Đầu tư						
1	Đề án phát triển kinh tế ban đêm tỉnh Trà Vinh đến năm 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban ngành tỉnh và địa phương	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2023	Năm 2030
2	Đề án phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh theo hướng bền vững đến năm 2030 nhằm thu hút đầu tư, phát triển chất lượng doanh nghiệp theo kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban ngành tỉnh và địa phương	UBND tỉnh	Quyết định	Tháng 6/2022	Năm 2030
II	Sở Công Thương						
3	Kế hoạch phát triển Cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	Quyết định	Tháng 6/2022	Năm 2025
4	Quyết định ban hành quy định về chuyển đổi mô hình tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (thay thế Quyết định số 02/2015/QĐUBND ngày 09/02/2015 và Quyết định số 02/2019/QĐUBND ngày 29/01/2019)	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	Quyết định	Tháng 11/2022	
5	Quyết định công bố Danh mục địa điểm được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh năm 2023	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	Quyết định	Tháng 9/2022	Năm 2023

TT	Tên Chương trình, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp quyết định	Hình thức văn bản	Thời gian trình	Thời hạn hoàn thành Chương trình, dự án
1	2	3	4	5	6	7	8
III	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						
6	Đề án đánh giá hiện trạng để điều phục vụ công tác phân loại, phân cấp đê và quy định hành lang bảo vệ đê theo Luật Đê điều trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành và địa phương có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	Tháng 12/2022	
7	Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành và địa phương có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2023	
8	Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành và địa phương có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2023	
IV	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch						
9	Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương	HUBND tỉnh	Nghị quyết	Năm 2022	Năm 2025
10	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Du lịch Việt nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương	UBND tỉnh	Kế hoạch	Năm 2022	
11	Đề án Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương	UBND tỉnh	Đề án	Năm 2022	
V	Sở Tài nguyên và Môi trường						
12	Dự án điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã thành phố	UBND tỉnh	Dự án	2022	2023
13	Dự án Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	UBND các huyện, thị xã thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND tỉnh	Dự án	2022	2027

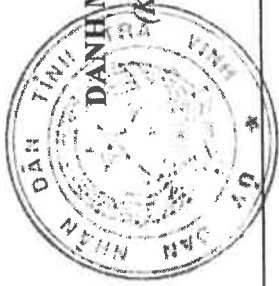
DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH THUỘC KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG NĂM 2022 VÀ 2023
(Đề xuất Trung ương bố trí vốn từ Chương trình trong năm 2022 và 2023)

(Kèm theo Quyết định số: 543/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Tên Chương trình, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp quyết định	Hình thức văn bản	Thời gian trình	Thời hạn hoàn thành	Tổng kinh phí Chương trình, Dự án (triệu đồng)	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2023 (triệu đồng)		
									Tổng	Năm 2022	Năm 2023
I	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TỔNG											
I	Sở Kế hoạch và Đầu tư							1.512.994	1.298.000	422.482	484.182
1	Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành tỉnh	UBND tỉnh	QĐ số 2774/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	Đã duyệt	2022-2025	88.259	44.265	22.132	22.132
II	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội							64.500	64.500	32.250	32.250
2	Dự án hỗ trợ đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động bị ảnh hưởng dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2023	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện	UBND tỉnh	Quyết định	2022	2023	18.000	18.000	9.000	9.000
3	Đề án hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2023	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện	UBND tỉnh	Quyết định	2022	2023	45.000	45.000	22.500	22.500
4	Kế hoạch chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp và việc làm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện	UBND tỉnh	Quyết định	2022	2023	1.500	1.500	750	750
III	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh							961.000	790.000	367.500	422.500
5	Cho vay vốn Quỹ quốc gia về việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP	NHCSXH tỉnh Trà Vinh	Sở LĐTB&XH	Trưởng Ban ĐD HĐQT NHCSXH tỉnh	Kế hoạch tin dụng	Tháng 02/2022	Năm 2022-2023	300.000	300.000	150.000	150.000

TT	Tên Chương trình, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp quyết định	Hình thức văn bản	Thời gian trình	Thời hạn hoàn thành	Tổng kinh phí Chương trình, Dự án (triệu đồng)	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2023 (triệu đồng)		
									Tổng	Năm 2022	Năm 2023
									10	11	12
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6	Cho vay nhà ở xã hội theo ND 100/2015/NB-CP	NHCSXH tỉnh Trà Vinh	Sở Xây dựng	Trưởng Ban ĐD HĐQT NHCSXH tỉnh	Kế hoạch tin dụng	Tháng 02/2022	Năm 2022-2023	250.000	250.000	100.000	150.000
7	Cho vay đối với học sinh, sinh viên để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và trang trải chi phí học tập	NHCSXH tỉnh Trà Vinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trưởng Ban ĐD HĐQT NHCSXH tỉnh	Kế hoạch tin dụng			70.000	70.000	35.000	35.000
8	Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội.	NHCSXH tỉnh Trà Vinh	Ban Dân tộc	Trưởng Ban ĐD HĐQT NHCSXH tỉnh	Kế hoạch tin dụng		2030	271.000	100.000	50.000	50.000
9	Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập phải ngừng hoạt động ít nhất 01 tháng theo yêu cầu phòng, chống dịch	NHCSXH tỉnh Trà Vinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trưởng Ban ĐD HĐQT NHCSXH tỉnh	Kế hoạch tin dụng			5.000	5.000	2.500	2.500
10	Cấp bù lãi suất và chi phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai cho vay ưu đãi thuộc Chương trình theo cơ chế cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý quy định tại quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam	NHCSXH tỉnh Trà Vinh		Trưởng Ban ĐD HĐQT NHCSXH tỉnh	Kế hoạch tin dụng			20.000	20.000	10.000	10.000
11	Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022-2023 đối với các khoản vay có lãi suất cho vay trên 6%/năm và được chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh giải ngân trong giai đoạn 2022-2023	NHCSXH tỉnh Trà Vinh		Trưởng Ban ĐD HĐQT NHCSXH tỉnh	Kế hoạch tin dụng		2023	45.000	45.000	20.000	25.000
IV	Sở Tài nguyên và Môi trường							399.235	399.235	600	7.300

TT	Tên Chương trình, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp quyết định	Hình thức văn bản	Thời gian trình	Thời hạn hoàn thành	Tổng kinh phí Chương trình, Dự án (triệu đồng)	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2023 (triệu đồng)		
									Tổng	Năm 2022	Năm 2023
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12	Tổ chức thực hiện Đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý chất thải rắn (Theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh): thực hiện giai đoạn 2021-2025	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Dự án	2021-2025	2025	358.235	358.235		



Phụ lục 03

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG

(Kèm theo Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 16/3/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ		5.989.802	
I	GIAO THÔNG		3.945.860	
1	Dự án đầu tư xây dựng Đường huyện 21 và tuyến N7 kết nối 04 xã đảo huyện Duyên Hải	2022-2025	588.476	
2	Đầu tư hạ tầng giao thông trên địa bàn 04 xã đảo thuộc huyện Duyên Hải (giai đoạn 1)	2022-2025	870.000	
3	Dự án Tuyến đường số 03 (đoạn từ nút cầu Long Toàn đi Cảng Long Toàn và Khu phi thuế quan đến sông Giồng Ói) Khu Kinh tế Định An	2023-2025	300.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 53B đến Đường tỉnh 914	2022-2026	1.550.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng các bến xe khách tỉnh Trà Vinh (bao gồm bến xe khách thành phố Trà Vinh - bến xe loại I, bến xe khách thị xã Duyên Hải - bến xe loại II và bến xe khách huyện Tiểu Cần - bến xe loại II)	2022-2024	262.384	
6	Đầu tư xây dựng Tuyến đường nối Quốc lộ 54 với Đường tỉnh 914 huyện Cầu Kè	2022-2025	375.000	
II	PHÒNG, CHỐNG SẠT LỞ BỜ SÔNG, BỜ BIỂN, BẢO ĐẢM AN TOÀN HỒ CHỨA NƯỚC, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, KHÁC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI		1.505.000	
1	Hạ tầng Hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thê đảm bảo an ninh nguồn nước các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (giai đoạn 1)	2023-2026	1.200.000	
2	Kè chống sạt lở khu vực thị trấn Cầu Kè	2022-2024	105.000	

TT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5
3	Đầu tư các dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, kè biển trên địa bàn các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải	2022-2024	200.000	
III	Y TẾ DỰ PHÒNG, Y TẾ CƠ SỞ		275.742	
1	Đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải	2022-2025	159.000	
2	Đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Càng Long	2022-2025	79.700	
3	Đầu tư trang thiết bị cho 98 Trạm Y tế	2022-2024	37.042	
IV	HẠ TÀNG SỐ, CHUYÊN ĐÓI SỐ		163.200	
1	Dự án Xây dựng các nền tảng phục vụ chuyên đổi số (Công dữ liệu mở (Open Data); Nền tảng không gian đô thị; Nền tảng quản lý, giám sát, kết nối, điều khiển, khai thác thiết bị ngoại vi IoT; Nền tảng kết nối thương mại điện tử hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; Nền tảng giám sát hoạt động các hệ thống; Nền tảng xác thực định danh điện tử; Nền tảng số hóa và bóc tách dữ liệu; Nền tảng truy xuất nguồn gốc và chuỗi cung ứng	2022-2025	159.000	
2	Xây dựng Hệ thống phần mềm ứng dụng Du lịch thông minh cho Trung tâm Phát triển Du lịch Trà Vinh	2022-2023	4.200	
V	LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM		100.000	
1	Đầu tư Trung tâm tạo việc làm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Trà Vinh	2022-2025	100.000	

